

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt ¹ , được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã		Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	

¹ Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định của Luật Đường bộ năm 2024 và Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định của Luật Đường bộ năm 2024 và Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định của Luật Đường bộ năm 2024 và Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Sở Xây dựng
				Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa.	Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt.	Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				Có 100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.	Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn -Yêu cầu thiết kế; bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết như: hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường,...), hệ thống thoát nước, hệ thống phòng hộ (tường chắn, hộ lan tại các vị trí đèo dốc, vực sâu,...), hệ thống chiếu sáng, vỉa hè tại các đoạn qua khu đông dân cư.	Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn -Yêu cầu thiết kế.	
				Có tối thiểu 50% km chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc	Có tối thiểu 50% km chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường.	Có tối thiểu 50% km chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				tuyến đường.		tuyến đường.	
				Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa).	Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa).	Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa).	
				Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm theo quy định của Luật Đường bộ, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được sửa đổi, bổ	Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm theo quy định của Luật Đường bộ, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được sửa đổi, bổ sung một	Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm theo quy định của Luật Đường bộ, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được sửa đổi, bổ	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				sung một số điều tại Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các quy định pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.	số điều tại Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các quy định pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.	sung một số điều tại Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các quy định pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$; - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$; - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	≥99%	≥99%	≥98%	Sở Công Thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên.	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất 01 khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên.	Có chợ được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, kế hoạch phát triển có liên quan đạt tiêu chí theo quy định hoặc có một trong các loại hình cơ sở bán lẻ khác phù hợp theo quy định.	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt			Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5-12%/năm	≥9,5%	≥9,5%	≥9,5%	Thống kê tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu	Đạt	Đạt			Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		thụ sản phẩm					
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	≥03 mô hình	≥02 mô hình	≥01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030; - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; - Tỷ lệ chủ thể là các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá. - Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030; - Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn; - Tỷ lệ chủ thể là các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề			Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
						năm đánh giá.	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Có ≥ 01 hợp tác xã: - Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã; - 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận có: Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính và Số lượng thành viên tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm);			Sở Tài chính

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				- Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng; - Có quy mô thành viên từ 05 thành viên trở lên.			
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Không quy định	≥01		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Xã có kế hoạch và triển khai hoạt động; hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; - Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét; - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên so với năm trước năm được đề nghị xét.			Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01	≥01	≥01	≥01	- Sở Công Thương phụ trách cụm công nghiệp. - Sở Tài chính phụ trách khu công nghiệp. - Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
					Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
								trách làng nghề
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ		$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông		Đạt	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Thiết chế văn hóa thể thao	Đạt	Đạt			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
			Hoạt động văn hóa					
			Đời sống văn hóa					
			Văn hóa dân tộc - di sản văn hóa					
			Thư viện, thể thao, chuyển đổi số					
			Nhân lực quản lý văn hóa					
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia	Đạt	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	$\geq 70\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
					Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	Đạt	Đạt			
Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi	Đạt		Đạt					
Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở	Đạt		Đạt					
Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	Đạt		≥90%	≥85%	≥80%			
Tỉ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác	Đạt		≥90%	≥85%	≥80%			
Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số	Đạt		Đạt					
Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt		Đạt					

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt			Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt			Sở Y tế
		6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 13\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 80\%$, trong đó phải có $\geq 30\%$ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 70\%$, trong đó phải có $\geq 20\%$ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$, bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5	Đạt	Đạt			Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		không, 3 sạch, 3 an ² ”					
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt			Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt			Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt			Sở Khoa học và Công nghệ
7	Khoa học công nghệ và chuyển đổi số	7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng	Sở Nông nghiệp và Môi trường

² 3 an: an toàn - an tâm - an sinh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 95\%$; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%;	chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 85\%$; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết	chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 70\%$; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%;	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$.	thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$.	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$.	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥ 01 mô hình	≥ 01 mô hình	≥ 01 mô hình	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	Đạt	Đạt			Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ³ , làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt ≥50%. Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp.	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt ≥50%.	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt ≥50%.	Sở Xây dựng
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt, ao hồ,	Đạt	Đạt			Sở Nông nghiệp và Môi trường

³ Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định, báo cáo
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		kênh mương trên địa bàn					
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt			Sở Nội vụ
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt			Văn phòng UBND tỉnh
10	Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt			Sở Tư pháp
		10.2. An ninh trật tự được đảm bảo; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt			Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn xã	Đạt	Đạt			Công an tỉnh
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phụ lục II
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026-2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

I. Đạt các tiêu chí chung

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030).

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh tại cùng thời điểm.

II. Tiêu chí đặc thù địa phương

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn rà soát chỉ tiêu, tiêu chí
1	Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo		
1.1	Tỷ lệ thôn, bản có hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao (cáp quang, 4G/5G)	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
1.2	Tỷ lệ các điểm công cộng (nhà hoá thôn, điểm du lịch cộng đồng,...) có điểm truy nhập wifi miễn phí hoặc được phủ sóng thông tin di động 5G	100%	
1.3	Trụ sở cơ quan công sở, đơn vị nhà nước được lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo (Trụ sở xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế,...)	Đạt	Sở Công Thương
2	Có mô hình nông nghiệp thông minh, phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
2.1	Có mô hình nông nghiệp thông minh	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2.2	Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi theo quy định	≥ 70%	Hội Nông dân tỉnh
2.3	Có mô hình Trạm Y tế ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, khám và chữa bệnh	Đạt	Sở Y tế
2.4	Có mô hình Trường học ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động dạy, học, quản lý, điều hành	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn rà soát chỉ tiêu, tiêu chí
2.5	Có di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh, di tích được xếp hạng (nếu có) và các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ tiêu biểu, đặc trưng của xã được tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá rộng rãi trên các trang thông tin điện tử hoặc cơ quan báo, đài của địa phương	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Bảo đảm an sinh xã hội; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn		
3.1	Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1,5\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	$\geq 50\%$	Sở Nội vụ
4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống		
4.1	Xã được công nhận đạt chuẩn phát triển văn hoá toàn diện cấp xã	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.2	Tỷ lệ thôn được công nhận “Thôn, bản văn hoá”	$\geq 90\%$	
5	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn		
5.1	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 82\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5.2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định	$\geq 82\%$	
6	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại		
6.1	An ninh, trật tự được đảm bảo	Đạt	Công an tỉnh
6.2	Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Đạt	